

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ-  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 25

33  
TỔN  
(VA  
D  
C  
C  
C



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công Ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công Ty Cổ Phần (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hữu Bốn	Chủ tịch (từ ngày 11 tháng 7 năm 2012)
Ông Bùi Tuấn Anh	Chủ tịch (từ ngày 25 tháng 4 năm 2012 đến ngày 11 tháng 7 năm 2012)
Ông Lê Chung	Chủ tịch (đến ngày 25 tháng 4 năm 2012)
Ông Đinh Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Thanh	Ủy viên
Ông Ly Tai Fong	Ủy viên (từ ngày 25 tháng 4 năm 2012)
Ông Hồ Khả Thịnh	Ủy viên (đến ngày 25 tháng 4 năm 2012)

#### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ông Đỗ Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Bốn	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 7 năm 2012)
Ông Ngô Ngọc Thường	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 01 tháng 3 năm 2013)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đỗ Văn Thanh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013



Số: 0A56 /Deloitte- AUDHCM-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng") của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25 tháng 3 năm 2013, từ trang 3 đến trang 25. Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính riêng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính riêng không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**Lê Đình Tứ**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0488/KTV  
**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 25 tháng 3 năm 2013  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Nguyễn Thị Thu Sang**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 1144/KTV

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012		31/12/2011	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+150+150)</b>	<b>100</b>		<b>422.413.235.728</b>		<b>441.640.710.957</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>40.323.935.217</b>		<b>126.575.495.036</b>	
1. Tiền	111		40.323.935.217		80.275.495.036	
2. Các khoản tương đương tiền	112		-		46.300.000.000	
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>351.184.031.948</b>		<b>285.193.964.109</b>	
1. Phải thu khách hàng	131		26.086.469.282		24.017.329.495	
2. Trả trước cho người bán	132		17.553.306.962		7.122.627.486	
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	6	287.544.171.502		247.657.802.685	
4. Các khoản phải thu khác	135	7	20.192.929.021		6.589.049.262	
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(192.844.819)		(192.844.819)	
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>2.396.307.004</b>		<b>3.691.118.618</b>	
1. Hàng tồn kho	141		2.396.307.004		3.691.118.618	
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>28.508.961.559</b>		<b>26.180.133.194</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		399.142.638		566.498.411	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.774.636.040		11.328.380.989	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	18	4.095.216.372		-	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	15.239.966.509		14.285.253.794	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>222.379.839.786</b>		<b>199.081.096.551</b>	
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.689.743.461</b>		<b>10.638.460.771</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	7.412.618.028		7.099.889.181	
- Nguyên giá	222		22.848.760.938		20.318.828.936	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.436.142.910)		(13.218.939.755)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	6.754.916.725		3.538.571.590	
- Nguyên giá	228		11.208.448.530		6.318.501.888	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.453.531.805)		(2.779.930.298)	
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		522.208.708		-	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>193.008.816.406</b>		<b>169.344.074.017</b>	
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	41.415.600.000		41.415.600.000	
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	153.334.600.000		127.928.474.017	
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	12	(1.741.383.594)		-	
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.681.279.919</b>		<b>19.098.561.763</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	14.681.279.919		18.350.686.260	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	-		577.995.067	
3. Tài sản dài hạn khác	268		-		169.880.436	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>644.793.075.514</b>		<b>640.721.807.508</b>	

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính




**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**MẪU B 01-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>351.201.593.760</b>	<b>425.534.267.342</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>333.622.849.902</b>	<b>402.652.932.119</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	37.442.075.621	11.042.652.500
2. Phải trả người bán	312		84.775.999.499	46.542.908.217
3. Người mua trả tiền trước	313		11.157.054.745	65.310.633.613
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17,18	12.859.780.595	13.038.472.649
5. Phải trả người lao động	315		9.995.282.565	32.576.741.080
6. Chi phí phải trả	316	19	140.647.870.782	179.265.880.413
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	20	22.735.921.627	40.765.129.549
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	21	12.909.754.950	10.537.297.079
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.099.109.518	3.573.217.019
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.578.743.858</b>	<b>22.881.335.223</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		328.743.858	253.848.858
2. Vay và nợ dài hạn	334	22	17.250.000.000	21.731.407.197
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	896.079.168
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>293.591.481.754</b>	<b>215.187.540.166</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>293.591.481.754</b>	<b>215.187.540.166</b>
1. Vốn điều lệ	411		250.000.000.000	180.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.421.558.415	321.888.415
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.600.295.812	1.600.295.812
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	4.224.799
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.902.424.923	5.902.424.923
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.366.191.762	4.892.901.528
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		17.301.010.842	22.465.804.689
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>644.793.075.514</b>	<b>640.721.807.508</b>

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ Đô la Mỹ ("USD")		194.834	7.331

  
 Lê Thị Thúy Hằng  
 Người lập biểu

  
 Hồ Khả Thịnh  
 Kế toán trưởng

  
 Đỗ Văn Thanh  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 25 tháng 3 năm 2013


Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012		2011	
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		387.224.650.222		634.708.936.451	
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10		387.224.650.222		634.708.936.451	
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		345.596.561.246		530.426.869.558	
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		41.628.088.976		104.282.066.893	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	19.594.062.430		7.978.574.960	
7. Chi phí tài chính	22	26	7.101.706.326		2.810.021.450	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.302.914.312		2.789.620.366	
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		46.498.854.007		52.761.571.798	
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		7.621.591.073		56.689.048.605	
10. Thu nhập khác	31		11.007.565.142		9.487.700.968	
11. Chi phí khác	32		750.150.306		170.343.322	
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	27	10.257.414.836		9.317.357.646	
13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		17.879.005.909		66.006.406.251	
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-		17.118.596.629	
15. Chi phí/ (thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại	52	15	577.995.067		(577.995.067)	
<b>16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>17.301.010.842</b>		<b>49.465.804.689</b>	



**Lê Thị Thúy Hằng**  
Người lập biểu



**Hồ Khả Thịnh**  
Kế toán trưởng



**Đỗ Văn Thanh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 03-DN**

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>2012</b>	<b>2011</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>17.879.005.909</b>	<b>66.006.406.251</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.893.438.599	2.701.992.732
Các khoản dự phòng	03	1.741.383.594	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.566.112.275)	(8.995.047.355)
Chi phí lãi vay	06	5.302.914.312	2.789.620.366
<b>3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>9.250.630.139</b>	<b>62.502.971.994</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(55.722.906.862)	(171.418.682.055)
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.294.811.614	4.459.121.706
Thay đổi các khoản phải trả	11	(73.589.399.442)	115.265.240.799
Thay đổi chi phí trả trước	12	3.836.762.114	(17.014.718.520)
Tiền lãi vay đã trả	13	(5.189.175.990)	(2.789.620.366)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.567.872.507)	(9.426.222.542)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	4.013.436.772	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(1.550.444.882)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(126.673.714.162)</b>	<b>(19.972.353.866)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(7.317.173.352)	(4.507.533.592)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	25	(25.406.125.983)	(67.356.603.862)
3. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	3.785.675.390	7.341.185.286
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(28.937.623.945)</b>	<b>(64.522.952.168)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	81.250.000.000	100.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	66.363.521.003	41.542.269.164
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(39.445.505.079)	(13.768.209.467)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(38.808.237.636)	(18.271.758.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>69.359.778.288</b>	<b>109.502.301.097</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(86.251.559.819)</b>	<b>25.006.995.063</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>126.575.495.036</b>	<b>101.564.384.504</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	4.115.469
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>40.323.935.217</b>	<b>126.575.495.036</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định trong năm không bao gồm 704.954.000 đồng (năm 2011: 57.400.000 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm 8.480.754.364 đồng (năm 2011: 31.088.992.000 đồng), là số tiền phải trả cổ tức chưa được thanh toán cho cổ đông. Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 113.738.322 đồng (năm 2011: 0 đồng) là khoản trích trước chi phí lãi vay trong năm 2012 chưa thanh toán. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ (tiếp theo)**

Cổ tức được chia trong năm không bao gồm số tiền 3.360.000.000 đồng (năm 2011: 0 đồng) là số tiền phải thu cổ tức từ các công ty con phát sinh trong năm. Lãi từ hoạt động đầu tư dài hạn khác không bao gồm 10.274.384.022 đồng là khoản thu nhập chưa nhận được trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.


Ngoài ra, khoản lãi từ hoạt động đầu tư khác 2.634.203.070 đồng được căn trừ với khoản phải trả tiền thuê văn phòng cho Tổng Công ty khí Việt Nam. Vì vậy, khoản này không thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong năm.



**Lê Thị Thúy Hằng**  
Người lập báo cáo



**Hồ Khả Thịnh**  
Kế toán trưởng



**Đỗ Văn Thanh**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 3 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301479273 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 4103003829 ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Trước đây, Công ty được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí, một công ty Nhà nước, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”). Theo Nghị quyết 1894/NQ-DKVN ngày 9 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng thành viên Petro Việt Nam, Công ty được chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và đã thực hiện việc đăng ký chuyển đổi tên thành Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 13 tháng 5 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 390 người (năm 2011: 407 người).

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn về tài chính kế toán).
- Khai thác hoạt động các dự án dầu khí, các dự án xây dựng khác.
- Chế tạo các sản phẩm công nghệ dầu khí (không hoạt động tại trụ sở).
- Khảo sát xây dựng.
- Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, cơ điện công trình dân dụng, công nghiệp đến nhóm B, điện áp ≤ 22KV, kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp.
- Kiểm định chất lượng xây dựng.
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, dầu khí (lắp đặt từng phần hoặc trọn gói (EPC)).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Kinh doanh bất động sản

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Do đó các khoản đầu tư vào các công ty con được hạch toán theo phương pháp giá gốc như trình bày tại thuyết minh số 4 bên dưới.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là tương tự như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ban Tổng Giám đốc đánh giá việc áp dụng Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng và phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược, và các khoản đầu tư dài hạn.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nhận ký quỹ, ký cược, và các khoản vay và nợ.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong năm liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp, khảo sát, thiết kế công trình. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm còn bao gồm giá thành của nhà thầu phụ hoàn thành bàn giao chưa được xác định tiêu thụ trong năm tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử, nếu có. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 10

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm thiết kế và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tám (8) năm.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một (1) năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba (3) năm.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối trên 50% tương ứng với quyền kiểm soát, hoặc là một công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận. Các khoản đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con phát sinh lỗ.

**Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào công ty khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết), không có ảnh hưởng đáng kể và có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên một (1) năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập khi các khoản đầu tư Công ty đang nắm giữ có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán hoặc tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Ghi nhận doanh thu**

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng được ghi nhận là toàn bộ chi phí phát sinh trong năm.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí tính thuế được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi nhận vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	18.823.544.204	12.742.495.109
Tiền gửi ngân hàng	21.500.391.013	67.532.999.927
Các khoản tương đương tiền	-	46.300.000.000
	<b><u>40.323.935.217</u></b>	<b><u>126.575.495.036</u></b>

**6. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG**

Chi tiết phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng theo dự án như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Dự án Lô B Ô Môn mới	84.476.759.062	34.457.467.172
Dự án Đường ống Nam Côn Sơn II - Thiết kế FEED	84.267.552.223	67.258.363.636
Cung cấp dịch vụ thiết kế công trình "Dự án Sư tử Vàng North East"	40.019.492.203	-
Dự án Bio Ethanol Bình Phước	21.323.374.635	81.620.973.361
Dự án Phát Triển Mô Thái Bình	16.340.749.914	-
HĐ 38/Technip-PVE/MPS/FEED-NCS2 cung cấp nhân lực	14.574.771.200	-
Dự án GDC Ô Môn ra Rạch Chanh	3.921.114.364	-
Dự án Nhà máy sản xuất bình bồn dầu khí (295)	3.128.206.812	3.128.206.812
Hợp đồng tồn đọng của VSP HĐ 0881/11/T-N3/VSP8	2.513.787.468	-
Dự án xây dựng nhà máy chế tạo ống thép tại KCN Soài Rạp	1.701.909.711	1.701.909.711
Dự án Tuyến ống kết nối Đông Tây Nam Bộ	1.763.528.419	1.763.528.419
Dự án mỏ Hàm Rồng - Thái Bình, lô 102 & 106	1.627.510.725	-
Dự án thiết kế FEED cho nhà máy xử lý khí Cà Mau	1.490.360.407	-
Dự án Thiết kế Non-Technical NM Polyester Đình Vũ 169/09	1.060.110.909	488.303.909
Dự án LPG lạnh Bà Rịa - Vũng Tàu	833.616.955	5.453.021.381
Dự án Tư vấn Thiết kế Nhà máy Quảng Trạch I	727.946.315	3.487.994.751
Dự án Thiết kế Feed Lô B - Ô Môn	-	1.909.353.000
Dự án thiết kế đường ống Nam Côn Sơn	-	3.398.299.460
Dự án Nhà máy condensate Cà Mau	-	2.512.507.183
Dự án Khảo sát phục vụ Thiết kế FEED Nam Côn Sơn	-	6.518.401.201
Dự án Instrumentation Work Subcontract PVTEX-SC-002	-	7.975.829.738
Các dự án khác	7.773.380.180	25.983.642.951
	<b><u>287.544.171.502</u></b>	<b><u>247.657.802.685</u></b>



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần (“PV Gas”)	10.274.384.022	-
Phải thu tiền đặt cọc thuê văn phòng tại Citi plaza	3.059.600.882	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Dầu khí PVE	2.160.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	1.200.000.000	-
Khác	3.498.944.117	6.589.049.262
	<u><b>20.192.929.021</b></u>	<u><b>6.589.049.262</b></u>

Khoản phải thu từ PV Gas thể hiện khoản lợi nhuận năm 2011 và 2012 được chia từ khoản đầu tư vào dự án "Cao ốc văn phòng Dragon Tower" mà PV Gas là nhà điều hành.

Khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Dầu khí PVE và Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE là các khoản cổ tức năm 2011 phải thu từ các công ty con.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công cụ, dụng cụ	12.493.529	12.493.529
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.383.813.475	3.678.625.089
	<u><b>2.396.307.004</b></u>	<u><b>3.691.118.618</b></u>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng nhân viên	15.070.086.073	9.621.487.022
Thẻ chấp, ký cược, ký quỹ	169.880.436	4.663.766.772
	<u><b>15.239.966.509</b></u>	<u><b>14.285.253.794</b></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản tạm ứng nhân viên thể hiện các khoản tạm ứng để thực hiện các dự án của Công ty chưa được hoàn ứng.

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc và thiết bị <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	4.428.220.997	4.898.018.842	5.219.463.855	5.773.125.242	20.318.828.936
Tăng trong năm	-	-	2.552.572.002	-	2.552.572.002
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(22.640.000)	-	(22.640.000)
Tại ngày 31/12/2012	<u>4.428.220.997</u>	<u>4.898.018.842</u>	<u>7.749.395.857</u>	<u>5.773.125.242</u>	<u>22.848.760.938</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	3.231.507.455	4.587.242.866	1.787.642.235	3.612.547.199	13.218.939.755
Khấu hao trong năm	222.521.604	117.624.046	1.383.469.686	496.221.756	2.219.837.092
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.633.937)	-	(2.633.937)
Tại ngày 31/12/2012	<u>3.454.029.059</u>	<u>4.704.866.912</u>	<u>3.168.477.984</u>	<u>4.108.768.955</u>	<u>15.436.142.910</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2012	<u><b>974.191.938</b></u>	<u><b>193.151.930</b></u>	<u><b>4.580.917.873</b></u>	<u><b>1.664.356.287</b></u>	<u><b>7.412.618.028</b></u>
Tại ngày 31/12/2011	<u><b>1.196.713.542</b></u>	<u><b>310.775.976</b></u>	<u><b>3.431.821.620</b></u>	<u><b>2.160.578.043</b></u>	<u><b>7.099.889.181</b></u>

Tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với nguyên giá là 7.702.163.813 đồng (năm 2011: 6.673.663.900 đồng).

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2012	6.318.501.888
Tăng trong năm	<u>4.889.946.642</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>11.208.448.530</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2012	2.779.930.298
Khấu hao trong năm	<u>1.673.601.507</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>4.453.531.805</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2012	<u><u>6.754.916.725</u></u>
Tại ngày 31/12/2011	<u><u>3.538.571.590</u></u>

Tài sản cố định vô hình bao gồm một số phần mềm thiết kế đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với nguyên giá là 1.459.946.460 đồng (năm 2011: 1.459.946.460 đồng).

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Chi tiết đầu tư vào các công ty con của Công ty bao gồm:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty Cổ phần Tư vấn quản lý Dự án Dầu khí PVE	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư dầu khí	<u>11.415.600.000</u>	<u>11.415.600.000</u>
	<u><b>41.415.600.000</b></u>	<u><b>41.415.600.000</b></u>

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Dầu khí PVE	Thành phố Hồ Chí Minh	91,46%	91,46%	Tư vấn quản lý các dự án chuyên ngành dầu khí
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	Thành phố Hồ Chí Minh	86,75%	86,75%	Kiểm định và dịch vụ kỹ thuật chuyên ngành
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí	Thành phố Hà Nội	44,39%	44,39%	Xây dựng công trình dân dụng và chuyên dụng

Theo Nghị quyết số 10004/NQ-DKVN ngày 4 tháng 11 năm 2010, Petro Việt Nam đã chấp thuận việc chuyển nhượng phần vốn góp của Petro Việt Nam tại Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí (“PCIC”) cho Công ty. Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của PCIC, nhưng theo thỏa thuận, Công ty có quyền kiểm soát PCIC vì Công ty có quyền bỏ đa số phiếu biểu quyết tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Theo đó, PCIC là công ty con của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào PCIC là 1.741.383.594 đồng do kết quả kinh doanh lỗ của PCIC trong năm 2012. Việc trích lập được thực hiện theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009.

**13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 42b/2009/BCC/PVGAS-PVC-PLC ngày 25 tháng 4 năm 2009 giữa Công ty với các bên Tổng Công ty khí Việt Nam (gọi tắt là "PV Gas") và Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long (gọi tắt là "Phú Long"), để góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác dự án "Cao ốc văn phòng Dragon Tower" trên diện tích đất 7.441 m<sup>2</sup> tại địa điểm số 673, đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, với tổng mức đầu tư dự kiến là 827 tỷ đồng. Tỷ lệ vốn góp của PV Gas, Công ty và Phú Long lần lượt là 70%, 20% và 10%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 2011, tiến độ góp vốn Công ty đã thực hiện như sau:

	Số vốn cam kết góp theo hợp đồng	Số vốn thực góp	
	VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Dự án Cao ốc văn phòng Dragon Tower	<u>165.400.000.000</u>	<u>153.334.600.000</u>	<u>127.928.474.017</u>

Công ty đã sử dụng quyền, quyền lợi và lợi ích phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này và các phụ lục hợp đồng kèm theo để thế chấp cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (xem Thuyết minh số 22).

Trong năm, Công ty đã ghi nhận lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này (xem Thuyết minh số 25).

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	2012 VND	2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	18.350.686.260	1.155.201.532
Tăng trong năm	2.280.464.638	18.653.840.484
Phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm	(5.949.870.979)	(1.148.269.562)
Giảm khác (Góp vốn vào Công ty con)	-	(310.086.194)
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b><u>14.681.279.919</u></b>	<b><u>18.350.686.260</u></b>

**15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tương ứng với phần chênh lệch tạm thời chi phí lãi vay phát sinh từ khoản vay dài hạn để đầu tư vào dự án Tòa nhà văn phòng Dragon Tower.

Năm 2012, Công ty được thông báo chia lợi nhuận từ hoạt động đầu tư này (xem Thuyết minh số 25). Do đó, tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến khoản chi phí lãi vay nêu trên đã được hoàn nhập tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm vì không có các chênh lệch đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	34.442.075.621	6.042.652.500
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	3.000.000.000	-
Vay ngắn hạn khác	-	5.000.000.000
	<b><u>37.442.075.621</u></b>	<b><u>11.042.652.500</u></b>



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Báo cáo tài chính****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Chi tiết khoản vay ngắn hạn như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	21.125.684.514	6.042.652.500
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	13.316.391.107	-
	<b><u>34.442.075.621</u></b>	<b><u>6.042.652.500</u></b>

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh với tổng số tiền vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 21.125.684.514 đồng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 77/2011/94203/HĐ ngày 30 tháng 12 năm 2011. Khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với mức dư nợ tối đa là 40 tỷ đồng với thời hạn rút vốn trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và không quá 12 tháng. Lãi suất và kỳ hạn trả lãi được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với tổng số tiền vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 13.316.391.107 đồng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0126/KH/11NH ngày 16 tháng 6 năm 2011. Khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với mức dư nợ tối đa là 150 tỷ đồng với thời hạn rút vốn kể từ ngày hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2013. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và không quá 12 tháng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và được trả hàng tháng. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.

Ngoài ra, Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần còn bảo đảm bằng Chứng thư bảo lãnh số 70/PVE-TCKT ngày 19 tháng 3 năm 2012 cho khoản vay tại Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Dầu khí PVE với trị giá khoản vay là 30 tỷ đồng và Chứng thư bảo lãnh số 746/PVE-TCKT ngày 23 tháng 4 năm 2012 cho khoản vay tại Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE với trị giá là 20 tỷ đồng.

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	20.242.690	438.366.304
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.472.656.135
Tiền thuê đất	1.236.689.300	-
Thuế thu nhập cá nhân	11.601.869.405	6.126.471.010
Thuế khác	979.200	979.200
	<b><u>12.859.780.595</u></b>	<b><u>13.038.472.649</u></b>

**18. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	31/12/2011	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
1 - Thuế GTGT phải nộp	438.366.304	7.717.344.118	8.135.467.732	20.242.690
a - Thuế GTGT hàng bán nội địa	438.366.304	2.954.054.029	3.372.177.643	20.242.690
b - Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.410.654.910	1.410.654.910	-
c - Thuế GTGT nộp hộ nhà thầu	-	3.352.635.179	3.352.635.179	-
2- Thuế xuất nhập khẩu	-	95.522.477	95.522.477	-
3- Thuế TNDN	6.472.656.135	3.243.020.283	13.810.892.790	(4.095.216.372)
a - Thuế TNDN SXKD	6.472.656.135	-	10.567.872.507	(4.095.216.372)
b - Thuế TNDN nộp hộ nhà thầu	-	3.243.020.283	3.243.020.283	-
4- Tiền thuê đất	-	1.304.835.860	68.146.560	1.236.689.300
5- Thuế thu nhập cá nhân	6.126.471.010	21.427.191.426	15.951.793.031	11.601.869.405
6- Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
7- Thuế khác	979.200	-	-	979.200
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>13.038.472.649</u></b>	<b><u>33.791.914.164</u></b>	<b><u>38.065.822.590</u></b>	<b><u>8.764.564.223</u></b>

*Trong đó:**Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (xem Thuyết minh số 17)**Thuế và các khoản phải thu nhà nước*

12.859.780.595

(4.095.216.372)



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải thu với số tiền 4.095.216.372 đồng được trình bày trên khoản “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự án Bio Ethanol Bình Phước	44.026.906.797	138.378.918.898
Dự án Đường ống Nam Côn Sơn II - Thiết kế FEED	32.143.080.297	6.678.674.283
Dự án mỏ Thái Bình	13.147.341.752	-
Cung cấp dịch vụ thiết kế công trình "Dự án Sư tử Vàng"	20.009.746.102	-
Dự án GDC Ô Môn ra Rạch Chanh	11.739.720.909	-
Dự án Khảo sát phục vụ Thiết kế FEED Nam Côn Sơn	3.386.672.744	3.386.672.744
Dự án nhiệt điện Sông Hậu	1.200.000.000	-
Dự án Lô B Ô Môn mới	385.136.635	9.813.977.025
Dự án Polypropylene Nhà máy lọc dầu Dung Quất	-	1.000.000.000
Dự án Instrumentation Work Subcontract PVTEX-SC-002	-	4.493.759.500
Dự án Sửa chữa giàn MSP10 Mỏ Bạch Hồ	-	1.519.306.030
Các dự án khác và chi phí khác	14.609.265.546	13.994.571.933
	<b><u>140.647.870.782</u></b>	<b><u>179.265.880.413</u></b>

**20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC, PHẢI NỘP KHÁC**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ tức phải trả cổ đông	8.480.754.364	31.088.992.000
Khoản phải trả khác tập đoàn Dầu khí Việt Nam	4.874.216.650	-
Nguồn kinh phí sự nghiệp	2.513.000.000	2.513.000.000
Khác	6,867,950,613	7.163.137.549
	<b><u>22.735.921.627</u></b>	<b><u>40.765.129.549</u></b>

**21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện khoản trích trước chi phí bảo hành công trình, với tỉ lệ từ 3% đến 5% giá trị hợp đồng xây lắp, trong thời hạn từ 12 tháng đến 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình hoàn thành cho khách hàng.

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01	10.537.297.079	12.044.443.591
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	11.865.022.470	2.346.018.276
Hoàn nhập dự phòng	<u>(9.492.564.599)</u>	<u>(3.853.164.788)</u>
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b><u>12.909.754.950</u></b>	<b><u>10.537.297.079</u></b>

**22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2011, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng dài hạn với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “VCB Hồ Chí Minh”) với hạn mức 90 tỷ đồng và thời hạn vay là chín mươi sáu (96) tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay là để thanh toán một phần vốn góp để đầu tư dự án Cao ốc văn phòng Dragon Tower. Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất cho vay dài hạn để kinh doanh bất động sản bằng Đồng Việt Nam do VCB Hồ Chí Minh công bố vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất (ba tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên) và được trả hàng quý. Dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là 20.250.000.000 đồng.



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty sử dụng quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 42b/2009/BCC/PVGAS-PVC-PLC ngày 25 tháng 4 năm 2009 và các phụ lục hợp đồng kèm theo, giữa Công ty với các bên Tổng Công ty khí Việt Nam (“PV Gas”) và Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long (“Phú Long”), để góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác dự án “Cao ốc văn phòng Dragon Tower”, để thế chấp cho khoản vay này. Tài sản thế chấp được định giá là 151 tỷ đồng.

Trong năm, lịch trả nợ vay đã được ký kết giữa Công ty và VCB Hồ Chí Minh do Công ty không còn nhu cầu giải ngân. Toàn bộ khoản nợ vay được trả trong 29 kỳ trả nợ gốc theo lịch biểu như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	3.000.000.000	-
Trong năm thứ hai	3.000.000.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	9.000.000.000	-
Sau năm năm	<u>5.250.000.000</u>	<u>21.731.407.197</u>
	<b>20.250.000.000</b>	<b>21.731.407.197</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	<u>(3.000.000.000)</u>	-
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>17.250.000.000</u></b>	<b><u>21.731.407.197</u></b>

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Số lượng cổ phần được phép phát hành	25.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	25.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành tại cuối năm	<u>25.000.000</u>	<u>18.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

**Vốn điều lệ**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 18/NQ-ĐHDCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ của Công ty từ 180 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng bằng việc phát hành thêm 7 triệu cổ phần phổ thông với tổng mệnh giá phát hành là 70 tỷ đồng. Đến ngày 22 tháng 3 năm 2012, Công ty đã thu đủ tiền vốn góp của các cổ đông. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	<u>Vốn đã góp</u>	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	72.500.000.000	52.200.000.000
Công ty Technip Geoproduction Sdh Bhd	25.000.000.000	-
Vietnam Holding Limited	19.259.400.000	-
Vietnam Equity Holding	14.826.675.000	12.745.000.000
Ông Đỗ Đức Hiếu	12.785.940.000	11.118.210.000
Các cổ đông khác	<u>105.627.985.000</u>	<u>103.936.790.000</u>
	<b><u>250.000.000.000</u></b>	<b><u>180.000.000.000</u></b>



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**MẪU B 09-DN**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Tại 01/01/2011</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>353.718.415</b>	<b>1.609.545.812</b>	<b>109.330</b>	<b>4.750.644.717</b>	<b>3.741.121.322</b>	<b>12.235.604.127</b>	<b>102.690.743.723</b>
Tăng vốn trong năm	100.000.000.000	-	-	-	-	-	-	100.000.000.000
Trích quỹ trong năm	-	-	(9.250.000)	-	1.151.780.206	1.151.780.206	(4.135.604.127)	(1.841.293.715)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(35.100.000.000)	(35.100.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	4.115.469	-	-	-	4.115.469
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	49.465.804.689	49.465.804.689
Giảm khác	-	(31.830.000)	-	-	-	-	-	(31.830.000)
<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>321.888.415</b>	<b>1.600.295.812</b>	<b>4.224.799</b>	<b>5.902.424.923</b>	<b>4.892.901.528</b>	<b>22.465.804.689</b>	<b>215.187.540.166</b>
Tăng vốn trong năm	70.000.000.000	11.250.000.000	-	-	-	-	-	81.250.000.000
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	-	2.473.290.234	(6.265.804.689)	(3.792.514.455)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(16.200.000.000)	(16.200.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(4.224.799)	-	-	-	(4.224.799)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	17.301.010.842	17.301.010.842
Giảm khác	-	(150.330.000)	-	-	-	-	-	(150.330.000)
<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>11.421.558.415</b>	<b>1.600.295.812</b>	<b>-</b>	<b>5.902.424.923</b>	<b>7.366.191.762</b>	<b>17.301.010.842</b>	<b>293.591.481.754</b>

Theo Nghị quyết số 66/NQ-DHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty, Công ty đã công bố chia tổng số cổ tức là 43,2 tỷ đồng bằng tiền mặt từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2011 với tỉ lệ là 17,28%/mệnh giá mỗi cổ phần. Trong năm 2011, Công ty đã công bố chia cổ tức là 27 tỷ đồng, phần cổ tức còn lại 16,2 tỷ đồng được công bố và chi trả cho các cổ đông trong năm 2012. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phần cổ tức chưa được chi trả cho các cổ đông là 8.480.754.364 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã thực hiện trích các quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi, và quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2011 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 66/NQ-DHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2012 với số tiền lần lượt là 2.473.290.234 đồng; 3.292.514.455 đồng và 500.000.000 đồng.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.765.678.254	249.728.872.502
Chi phí nhân công	152.124.280.103	130.670.809.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.893.438.599	2.701.992.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.428.320.925	128.734.447.973
Chi phí khác	106.770.399.684	122.154.777.792
	<b><u>424.982.117.565</u></b>	<b><u>633.990.900.011</u></b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Thu nhập từ hoạt động đầu tư dài hạn khác	12.908.587.092	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.918.800.000	-
Lãi tiền gửi	1.758.731.246	7.561.574.960
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.944.092	417.000.000
	<b><u>19.594.062.430</u></b>	<b><u>7.978.574.960</u></b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Lãi tiền vay	5.302.914.312	2.789.620.366
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	1.741.383.594	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	52.079.182	10.898.402
Khác	5.329.238	9.502.682
	<b><u>7.101.706.326</u></b>	<b><u>2.810.021.450</u></b>

**27. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	9.492.564.599	3.853.164.788
Xóa sổ các khoản nợ phải trả kéo dài trên 3 năm	586.443.019	1.737.761.844
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định và công cụ dụng cụ	121.036.364	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản để góp vốn	-	1.433.472.395
Khác	807.521.160	2.463.301.941
<b>Thu nhập khác</b>	<b><u>11.007.565.142</u></b>	<b><u>9.487.700.968</u></b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	(20.006.063)	-
Tạm ứng khó đòi đã xóa sổ	-	(150.363.648)
Khác	(730.144.243)	(19.979.674)
<b>Chi phí khác</b>	<b><u>(750.150.306)</u></b>	<b><u>(170.343.322)</u></b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b><u>10.257.414.836</u></b>	<b><u>9.317.357.646</u></b>



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	17.879.005.909	66.006.406.251
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	(20.139.367.358)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	806.144.243	2.467.980.266
(Lỗ tính thuế)/Thu nhập chịu thuế	<u>(1.454.217.206)</u>	<u>68.474.386.517</u>
Thuế suất	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>17.118.596.629</u></b>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 1.454.217.206 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 0 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ này vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

**29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>40.089.935.385</u>	<u>-</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	31.494.760.200	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	4.199.301.360	-
	<b><u>35.694.061.560</u></b>	<b><u>-</u></b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

Tổng tiền thuê 6.539 m<sup>2</sup> tại tòa nhà PV Gas số 673 Nguyễn Hữu Thọ, phường Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 40/2012/PVGAS/DAD-KH/D4 giữa công ty và PV Gas được thanh toán 3 tháng/1 lần với giá thuê là 17 USD/m<sup>2</sup>/tháng và tiền quản lý là 5,5 USD/m<sup>2</sup>/tháng (chưa bao gồm thuế). Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 2 năm tính từ ngày 17 tháng 2 năm 2012.

Theo Công văn số 2403/KVN-DAD(TCT) ký ngày 4 tháng 10 năm 2012 từ PV Gas, Công ty được xác nhận hoàn trả 935 m<sup>2</sup> trong tháng 1 năm 2013. Do đó, tổng diện tích thuê từ năm 2013 là 5.604 m<sup>2</sup>.

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các khoản vay	54.692.075.621	32.774.059.697
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	40.323.935.217	126.575.495.036
Nợ thuần	14.368.140.404	(93.801.435.339)
Vốn chủ sở hữu	293.591.481.754	215.187.540.166
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>5%</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi số	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	40.323.935.217	126.575.495.036
Phải thu khách hàng, phải thu theo tiến độ và phải thu khác	333.630.724.986	278.071.336.623
Các khoản ký quỹ, ký cược	169.880.436	4.833.647.208
Các khoản đầu tư dài hạn	153.334.600.000	127.928.474.017
<b>Tổng cộng</b>	<b>527.459.140.639</b>	<b>537.408.952.884</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	113.778.779.200	90.962.069.439
Chi phí phải trả	140.647.870.782	179.265.880.413
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	328.743.858	253.848.858
Các khoản vay và nợ	54.692.075.621	32.774.059.697
<b>Tổng cộng</b>	<b>309.447.469.461</b>	<b>303.255.858.407</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đô la Mỹ (USD)	<b>4.051.388.124</b>	<b>153.771.677</b>	<b>9.707.738.400</b>	-

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với đồng Việt nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ (giảm)/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2012 VND	2011 VND
Đô la Mỹ (USD)	<b>(565.635.028)</b>	<b>15.377.168</b>

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Quản lý rủi ro về đầu tư**

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các khoản đầu tư dài hạn khác. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và đầu tư dài hạn khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2012</b>				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	40.323.935.217	-	-	40.323.935.217
Phải thu khách hàng, phải thu theo tiền độ và phải thu khác	333.630.724.986	-	-	333.632.358.586
Các khoản ký quỹ, ký cược	169.880.436	-	-	169.880.436
Các khoản đầu tư dài hạn	-	-	153.334.600.000	153.334.600.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>374.124.540.639</b>	<b>-</b>	<b>153.334.600.000</b>	<b>527.459.140.639</b>
<b>31/12/2012</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	113.778.779.200	-	-	113.778.779.200
Chi phí phải trả	140.647.870.782	-	-	140.647.870.782
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	328.743.858	-	328.743.858
Các khoản vay và nợ	37.442.075.621	12.000.000.000	5.250.000.000	54.692.075.621
<b>Tổng cộng</b>	<b>291.868.725.603</b>	<b>12.328.743.858</b>	<b>5.250.000.000</b>	<b>309.447.469.461</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>82.255.815.036</b>	<b>(12.328.743.858)</b>	<b>148.084.600.000</b>	<b>218.011.671.178</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2011</b>				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	126.575.495.036	-	-	126.575.495.036
Phải thu khách hàng, phải thu theo tiền độ và phải thu khác	278.071.336.623	-	-	278.071.336.623
Các khoản ký quỹ, ký cược	4.833.647.208	-	-	4.833.647.208
Các khoản đầu tư dài hạn	-	-	127.928.474.017	127.928.474.017
<b>Tổng cộng</b>	<b>409.480.478.867</b>	<b>-</b>	<b>127.928.474.017</b>	<b>537.408.952.884</b>
<b>31/12/2011</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	90.962.069.439	-	-	90.962.069.439
Chi phí phải trả	179.265.880.413	-	-	179.265.880.413
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	253.848.858	-	253.848.858
Các khoản vay và nợ	11.042.652.500	-	21.731.407.197	32.774.059.697
<b>Tổng cộng</b>	<b>281.270.602.352</b>	<b>253.848.858</b>	<b>21.731.407.197</b>	<b>303.255.858.407</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>128.209.876.515</b>	<b>(253.848.858)</b>	<b>106.197.066.820</b>	<b>234.153.094.477</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**31. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>		
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	138.113.836.271	538.371.902.037
Technip Geoproduction (M) SDN BHD	23.739.091.200	-
<b>Mua hàng hóa/dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Dầu khí PVE	55.024.686.529	57.073.625.117
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	18.728.389.170	18.589.499.755
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí	239.592.243	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	231.886.485	-
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	64.316.363.686	446.588.113.561



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	2012 VND	2011 VND
<b>Cổ tức/ lợi nhuận được chia</b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Dầu khí PVE	2.160.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	1.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí PV Gas	1.558.800.000	-
	<u>12.908.587.092</u>	<u>-</u>
<b>Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:</b>		
	2012 VND	2011 VND
Lương	2.490.930.482	4.227.083.084
Tiền thưởng	615.268.059	1.489.871.130
	<u>3.106.198.541</u>	<u>5.716.954.214</u>
<b>Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ như sau:</b>		
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	106.242.400	27.112.264.610
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	16.668.867.526	-
<b>Các khoản phải thu khác</b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Dầu khí PVE	2.184.382.656	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	1.121.931.189	-
PV Gas	10.274.384.022	-
<b>Trả trước cho nhà cung cấp</b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Dầu khí PVE	7.840.725.261	1.497.440.907
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	3.496.397.937	-
<b>Phải trả nhà cung cấp</b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí	263.551.467	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	-	3.341.338.314
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	146.551.029	46.670.655.214
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	47.249.186.550	-
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	24.723.272.687	-
<b>Các khoản phải trả khác</b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Dầu khí PVE	206.792.175	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	-	33.300.000
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	4.874.216.650	6.726.015.123
<b>Vay</b>		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	-	5.000.000.000
<b>Các khoản tương đương tiền - Ủy thác quản lý vốn PVFC</b>		2.702.913.692



Lê Thị Thúy Hằng  
 Người lập biểu



Hồ Khả Thịnh  
 Kế toán trưởng



  
 Đỗ Văn Thanh  
 Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013